

Bản án số: 202/2025/DS-PT

Ngày: 09-4-2025

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Rên

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Thế Hồng

Bà Lê Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Lê Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 311/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 96/2024/DS - ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4014/2024/QĐ - PT ngày 07 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1957

Địa chỉ: Số F, ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Trần Ngọc T, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Số 066, ấp An Nhơn, xã An Ngãi Trung, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre

2. Bị đơn:

2.1. Ông Huỳnh Minh P, sinh năm 1954 (có mặt)

2.2. Bà Đặng Thị Ú, sinh năm 1956 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Ngọc S, sinh năm 1949

3.2. Ông Nguyễn Lập N, sinh năm 1952

3.3. Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1959

3.4. Ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1967

3.5. Bà Nguyễn Thị Bạch H, sinh năm 1969

3.6. Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3.7. Bà Nguyễn Thị Huỳnh M, sinh năm 1968

3.8. Ông Nguyễn Bảo T1, sinh năm 1971

Cùng địa chỉ: Số E, đường T, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.9. Bà Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 1989

Địa chỉ: Số A H, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà S, ông N, bà L, ông C, bà H, bà A, bà M, ông T1, bà T2: Bà Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Số F, ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3.10. Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Anh T3 - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A (yêu cầu giải quyết vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Huỳnh Minh P, bà Đặng Thị Út .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Y trình bày:

Phần đất đang tranh chấp thuộc thửa đất số 212, tờ bản đồ số 22, đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/6/1997 cho hộ bà Nguyễn Thị Kim Y với diện tích 1.708m². Đất có nguồn gốc của Tập đoàn sản xuất cấp vào năm 1990 theo diện bình quân nhân khẩu, thời điểm cấp hộ bà Y có 10 nhân khẩu (gồm bà Y, ông Nguyễn Lập N, bà Nguyễn Thị Ngọc L, bà Nguyễn Thị Ngọc S, ông Nguyễn Thành C, bà Nguyễn Thị Bạch H, bà Nguyễn Thị Huỳnh M, ông Nguyễn Bảo T1, bà Nguyễn Thị Thanh T2, bà Nguyễn Thị Ngọc A), mỗi nhân khẩu được cấp 900m² đất do hộ bà Y thuộc diện hộ B không có đất đưa vào Tập đoàn sản xuất. Trong cùng năm gia đình bà Y được cấp đất, ông P xin thuê thửa 212 và gia đình bà Y đồng ý cho thuê, hai bên thỏa thuận miệng giá thuê là 5 gia lúa/công, cho thuê hàng năm, hàng năm ông P có đóng lúa đầy đủ và những năm sau trả 17 gia lúa cho toàn bộ thửa 212. Đến năm 2019, ông P và bà Ú không thuê đất nữa mà chiếm luôn đất. Thời điểm vận động làm đường ĐX01, địa phương có vận động gia đình bà Y (gồm bà Y và bà L) giao lại 700m² đất cho ông P, bà Ú để làm đường, bà Y và bà L đồng ý, còn những người khác thì không có nhà. Do trước đây việc đi lại không thuận tiện nên bà Y không đến thăm ruộng, đến khoảng năm 2014 - 2015 bà Y mới biết ông P, bà Ú trồng dừa trên thửa 212. Theo kết quả đo đạc thực tế thửa 212 hiện nay là vị trí 1, 2, 3; do ông P, bà Ú đã xây chuồng bò tại vị trí số 1 nên nay

bà Y chỉ yêu cầu ông P và bà Ú trả lại cho bà Y phần đất diện tích 1.658,7m² (vị trí 2, 3) thuộc một phần thửa 212, tờ bản đồ số 22. Đối với 53 cây dừa đang cho trái, 02 cây dừa đang có lười mèo thì bà Y đồng ý hoàn trả giá trị cho bị đơn theo giá Hội đồng định giá.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Huỳnh Minh P và bà Đặng Thị Ú trình bày:

Ông bà thừa nhận thửa đất số 212, tờ bản đồ số 22 có nguồn gốc của Tập đoàn sản xuất cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Kim Y vào năm 1990 theo diện không có đất đưa vào Tập đoàn sản xuất, mỗi nhân khẩu được cấp 900m²; gia đình ông có đất đưa vào Tập đoàn sản xuất nên mỗi nhân khẩu được cấp 1.250m². Sau khi bà Y nhận đất từ Tập đoàn sản xuất thì bà Y không canh tác đất mà cho ông bà thuê, lúc đầu giá thuê thấp nhưng về sau 1.000m² cho thuê với giá 10 gạ lúa, việc cho thuê chỉ thỏa thuận miệng. Từ năm 2019, ông bà nghe người khác nói đất sử dụng hơn 30 năm thì được quyền đòi lại nên không còn trả lúa cho bà Y. Phần đất này ông bà đã lên liếp trồng dừa, qua đo đạc là vị trí 1, 2, 3 diện tích 1.928,2m², khi ông bà lên liếp trồng dừa không có báo với bà Y nhưng khi đo đạc V thì ông có báo với ông C1 trưởng ấp (hiện nay đã chết) để đòi cho bà Y về vị trí 4, 5, 6 hiện nay, tuy nhiên, không biết ông C1 có báo với bà Y không. Khi xã vận động bà Y giao lại cho ông bà 700m² đất thì bà Y không ra thực địa chứng kiến mà chỉ có Ủy ban nhân dân xã đến đo đạc, giao cho ông phần đất tại vị trí 4, 5. Ông bà đã thôi cát lấp xong, hiện phần đất này thuộc thửa đất số 02 (tờ bản đồ số 22) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông. Phần đất ông đòi cho bà Y ở vị trí 6 có diện tích 1.053,6m² nên ông bà đồng ý trả lại cho bà Y phần đất tại vị trí số 6, phần đất của bà Y thì ông bà đã trồng dừa ổn định. Ông bà yêu cầu bà Y phải chuyển đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 212 (vị trí số 1, 2, 3) cho ông bà đứng tên, ông bà sẽ chuyển đổi thửa số 02, tờ bản đồ 22 (vị trí số 6) cho bà Y đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc S, ông Nguyễn Lập N, bà Nguyễn Thị Ngọc L, ông Nguyễn Thành C, bà Nguyễn Thị Bạch H, bà Nguyễn Thị Ngọc A, bà Nguyễn Thị Huỳnh M, ông Nguyễn Bảo T1, bà Nguyễn Thị Thanh T2) trình bày thống nhất với trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Y.

Các đương sự đồng ý với kết quả đo đạc ngày 30/11/2022, định giá ngày 22/3/2024 để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 311/2024/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

1. Chấp yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim Y.

Buộc ông Huỳnh Minh P, bà Đặng Thị Ú phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim Y diện tích đất qua đo đạc thực tế 1.658,7m² (ở vị trí số 2, 3) thuộc thửa đất số 212, tờ bản đồ số 22 (thửa mới là thửa số 280, tờ bản đồ số 08), tọa lạc xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (có họa đồ kèm theo).

Bà Nguyễn Thị Kim Y được sở hữu 53 cây dừa lớn, 02 cây dừa nhỏ trên diện tích đất qua đo đạc thực tế 1.658,7m² (vị trí số 2, 3) thuộc thửa đất số 212, tờ bản đồ số 22 và có nghĩa vụ trả lại cho ông Huỳnh Minh P, bà Đặng Thị Ú số tiền 88.550.000

đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng khác, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/7/2024, bị đơn ông Huỳnh Minh P, bà Đặng Thị Ú kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm theo hướng buộc bà Nguyễn Thị Kim Y phải giao cho bị đơn phần đất có diện tích 699,9m² (tại vị trí 2) thuộc 1 phần thửa 212, tờ bản đồ số 22, tại xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị đơn giữ nguyên kháng cáo. Nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm, các đương sự không thoả thuận được nội dung giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận một phần kháng cáo của các bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc ông P, bà Ú phải trả lại phần đất 430,5m² tại vị trí 2.1 của Họa đồ hiện trạng thửa đất tranh chấp ngày 05/3/2025.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của các bị đơn ông Huỳnh Minh P, bà Đặng Thị Ú, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Các đương sự thống nhất phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế có diện tích 1.658,7m² (tại các vị trí 2, 3 theo họa đồ hiện trạng thửa đất tranh chấp ngày 30/11/2022 cũng như tại các vị trí 2.1, 2.2, 3 theo họa đồ hiện trạng thửa đất tranh chấp ngày 05/3/2025) trước đây thuộc thửa đất số 212, tờ bản đồ số 22 đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 26/6/1997 cho hộ bà Nguyễn Thị Kim Y; đất có nguồn gốc của tập đoàn sản xuất cấp cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị Kim Y vào năm 1990 theo diện bình quân nhân khẩu. Sau khi được cấp, bà Y đã cho ông P và bà Ú thuê thửa 212 để canh tác. Hiện tại phần đất này do ông P, bà Ú quản lý, sử dụng, trên đất có các cây trồng của vợ chồng ông P, bà Ú.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Y trình bày từ năm 2019 đến nay vợ chồng ông P canh tác đất nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thuê, chiếm dụng phần đất thuê không trả lại cho bà Y nên bà Y khởi kiện yêu cầu ông P, bà Ú trả lại cho bà Y phần đất tranh chấp nói trên.

Bị đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu nguyên đơn phải giao cho bị đơn phần đất có diện tích 699,9m² (tại vị trí 2 theo họa đồ hiện trạng thửa đất tranh chấp ngày 30/11/2022 cũng như tại các vị trí 2.1, 2.2 theo họa đồ hiện trạng thửa đất tranh chấp ngày 05/3/2025) thuộc một phần thửa 212, tờ bản đồ số 22 do

phần đất này nguyên đơn đã tự nguyện giao cho Ủy ban nhân dân xã A để Ủy ban nhân dân xã giao lại cho bị đơn, đền bù thiệt hại của bị đơn do mở đường DX.01, sự việc đã được Ủy ban nhân dân xã lập biên bản vào ngày 25/6/2018. Do đó, cấp phúc thẩm chỉ xem xét đối với nội dung kháng cáo này của bị đơn, các nội dung khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Các đương sự đều xác định thửa 212 có nguồn gốc do tập đoàn sản xuất cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Kim Y theo diện diện bình quân nhân khẩu, tại thời điểm cấp năm 1990 hộ bà Y gồm có 10 nhân khẩu. Như vậy, thửa đất 212 thuộc quyền sử dụng đất của hộ bà Y, bà Y đại diện hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2018, khi xây dựng đường DX.01 để bị đơn đồng ý hiến đất làm đường Ủy ban nhân dân xã A đã vận động bà Y giao một phần đất thuộc thửa 212 cho bị đơn. Tại biên bản vận động ngày 25/6/2018, bà Y đồng ý với yêu cầu của Ủy ban nhân dân xã A giao lại diện tích đất 700m² cho hộ bà Y cho Ủy ban để Ủy ban giao cho bị đơn, bà Y và bà Nguyễn Thị Ngọc L đã ký vào biên bản. Các nguyên đơn cho rằng thửa 212 được cấp cho hộ bà Y, nhưng tại biên bản ngày 25/6/2018 chỉ có ý kiến đồng ý giao đất của bà Y và bà L là không phù hợp nhưng từ thời điểm lập biên bản ngày 25/6/2018 đồng ý hỗ trợ đất đến nay, đất do phía bị đơn quản lý, sử dụng trồng cây lâu năm (trồng dừa) phía gia đình nguyên đơn không có ý kiến khiếu nại hay tranh chấp nào. Đồng thời, phía bị đơn đã thực hiện cam kết tại biên bản là hiến trên 1.000m² đất của gia đình bị đơn để làm lộ nông thôn. Như vậy, trên thực tế đôi bên đã thực hiện nội dung cam kết ngày 25/6/2018, chỉ chưa thực hiện thủ tục hành chính điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ hộ bà Y cho phía ông P. Do đó, việc bị đơn cho rằng bị đơn có quyền quản lý, sử dụng đối với phần diện tích 700m² trong diện tích đất nguyên đơn tranh chấp là có căn cứ. Bị đơn đang quản lý, sử dụng phần đất 269,5 m² tại vị trí 1 không có tranh chấp là thiếu đi 430,5m² theo diện tích thỏa thuận đổi đất làm đường đi, có sự chứng kiến xác nhận của chính quyền địa phương xã A nhưng bị đơn yêu cầu được tiếp tục quản lý, sử dụng cả phần diện tích 269,4 m² tại vị trí 2.2 là vượt quá diện tích đất mà nguyên đơn đồng ý thỏa thuận đổi đất.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của phía bị đơn, sửa Bản án sơ thẩm số: 311/2024/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri theo hướng chỉ buộc bị đơn trả cho nguyên đơn phần đất tại vị trí phần (3) và (2.2), không chấp nhận phần yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn giao trả cho nguyên đơn phần đất có diện tích 2.1 của họa đồ hiện trạng thửa đất tranh chấp ngày 05/3/2025.

Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự cũng thống nhất giá trị cây trồng có trên đất tổng cộng là 88.550.000 đồng, mật độ cây bị đơn trồng trên đất là đều nhau, từ đó xác định giá trị cây trồng có trên phần đất tại vị trí phần (3) và (2.2) là: $1.228,2\text{m}^2 \times 88.550.000\text{đồng} : 1.658,7\text{m}^2 = 65.567.679\text{đồng}$. Khi buộc bị đơn giao trả đất lại cho nguyên đơn cần công nhận quyền sở hữu các cây trồng trên đất cho nguyên đơn đồng thời buộc nguyên đơn hoàn lại giá trị cây trồng cho bị đơn với số tiền là 65.567.679 đồng.

Chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm là 2.121.000 đồng. Nguyên đơn, bị đơn mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$, do bị đơn đã tạm ứng số tiền trên nên nguyên đơn có nghĩa vụ hoàn lại cho bị đơn số tiền chi phí tố tụng là 1.060.500 đồng.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị đơn ông P, bà Ú không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị đơn ông Huỳnh Minh P, bà Đặng Thị Út .

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 96/2024/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ các Điều 197, 199, 221 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

[1] Chấp một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim Y:

[1.1] Buộc ông Huỳnh Minh P, bà Đặng Thị Ú phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim Y diện tích đất qua đo đạc thực tế 1.228,2m² (ở vị trí số 2.2, 3) thuộc thửa đất số 212, tờ bản đồ số 22 (thửa mới là thửa số 280, tờ bản đồ số 08), tọa lạc xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (có họa đồ hiện trạng thửa đất tranh chấp ngày 05/3/2025 kèm theo).

[1.2] Bà Nguyễn Thị Kim Y được quyền sở hữu các cây trồng có trên diện tích đất qua đo đạc thực tế 1.228,2m² (vị trí số 2.2, 3) thuộc thửa đất số 212, tờ bản đồ số 22), tọa lạc xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (có họa đồ hiện trạng thửa đất tranh chấp ngày 05/3/2025 kèm theo) và có nghĩa trả cho ông Huỳnh Minh P, bà Đặng Thị Ú số tiền 65.567.679 (Sáu mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi chín) đồng.

[1.3] Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim Y về việc yêu cầu ông Huỳnh Minh P, bà Đặng Thị Ú phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim Y diện tích đất qua đo đạc thực tế 430,5 m² (ở vị trí số 2.1) thuộc thửa đất số 212, tờ bản đồ số 22 (thửa mới là thửa số 280, tờ bản đồ số 08), tọa lạc xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (có họa đồ hiện trạng thửa đất tranh chấp kèm theo).

Kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính về điều chỉnh biên động, thu hồi, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất đương sự được quyền quản lý, sử dụng theo quyết định bản án đã tuyên khi đương sự có yêu cầu.

[3] Về chi phí tố tụng: Tổng cộng 11.122.000 (Mười một triệu một trăm hai mươi hai nghìn) đồng. Bà Nguyễn Thị Kim Y có nghĩa vụ nộp 1.060.000 (Một triệu không trăm sáu mươi nghìn) đồng đã nộp xong; Ông Huỳnh Minh P, bà Đặng Thị Ú có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim Y số tiền chi phí tố tụng 7.940.500 (Bảy triệu chín trăm bốn mươi nghìn năm trăm) đồng.

[4] Án phí :

Án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Y, bị đơn ông Huỳnh Minh P và bà Đặng Thị Ú thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn án phí.

Án phí dân sự phúc thẩm bị đơn ông P và bà Ú không phải nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Rên